

**TOÀ ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN KIM THÀNH
TỈNH HẢI DƯƠNG**

**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 44/2018/HNGĐ-ST

Ngày: 29/11/2018

V/v: Ly hôn

NHÂN DANH

**NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TOÀ ÁN NHÂN DÂN HUYỆN KIM THÀNH, TỈNH HẢI DƯƠNG**

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Ngọc Bích

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Bà Nguyễn Thị Quy
2. Ông Nguyễn Trọng Bộ

- Thư ký phiên tòa: Ông Đinh Quốc Cường - Thư ký Toà án nhân dân huyện Kim Thành, tỉnh Hải Dương.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Kim Thành, tỉnh Hải Dương tham gia phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Nhung - Kiểm sát viên.

Ngày 29 tháng 11 năm 2018, tại trụ sở Toà án nhân dân huyện Kim Thành, tỉnh Hải Dương xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 221/2018/TLST - HNGĐ ngày 12 tháng 9 năm 2018 về việc “Ly hôn” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 51/2018/QĐXXST- HNGĐ ngày 29 tháng 10 năm 2018 giữa các đương sự:

1. *Nguyên đơn:* Bà Đoàn Thị T, sinh năm 1965. Địa chỉ cư trú: thôn M, xã L, huyện K, tỉnh Hải Dương. Có mặt.

2. *Bị đơn:* Ông Tăng Bá T, sinh năm 1957. Địa chỉ cư trú: thôn M, xã L, huyện K, tỉnh Hải Dương. Vắng mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Tại đơn khởi kiện đề ngày 28 tháng 8 năm 2018 và trong quá trình giải quyết vụ án, nguyên đơn bà Đoàn Thị T trình bày: Bà và ông Tăng Bá T kết hôn vào ngày 12/11/1983 trên cơ sở tự nguyện, được đăng ký kết hôn tại UBND xã L, huyện K, tỉnh Hải Dương. Sau khi kết hôn, vợ chồng chung sống hoà thuận được 20 năm thì phát sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân chính dẫn đến mâu thuẫn vợ

chồng là do không hợp nhau về tính tình, hai bên không có tiếng nói chung nên thường xuyên bất đồng về quan điểm sống. Mặt khác, do ông T có quan hệ ngoại tình nên vợ chồng thường xuyên xảy ra mâu thuẫn cãi cọ lẫn nhau. Từ năm 2003, hai bên mâu thuẫn trầm trọng nên ông T đã bỏ ra ngoài ở riêng và vợ chồng đã sống ly thân từ đó cho đến nay không còn quan tâm gì đến nhau nữa. Nay bà H xác định thực sự tình cảm vợ chồng giữa bà và ông T không còn, bà H xin được ly hôn ông T để giải phóng cho đôi bên khỏi giằng buộc.

Về con chung: Bà H xác định vợ chồng có 03 con chung là Tăng Bá T, sinh năm 1984, Tăng Bá D, sinh năm 1986, Tăng Bá D1, sinh năm 1993. Hiện nay cả ba con chung đã trên tuổi T thành, bà H không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Về tài sản chung: Bà Đoàn Thị T không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Về phía ông Tăng Bá T, quá trình Tòa án giải quyết vụ án, Tòa án đã triệu tập ông T nhiều lần đến Trụ sở Tòa án để làm việc, song ông T đều không đến. Do vậy, Tòa án không thể tiến hành lấy lời khai của ông T được. Tòa án xác minh tại địa phương được biết ông T hiện đang trốn lệnh truy nã nên không có mặt ở địa phương. Tòa án đã làm thủ tục niêm yết công khai Thông báo thụ lý vụ án, Quyết định đưa vụ án ra xét xử, Quyết định hoãn phiên tòa và Giấy triệu tập ông Tăng Bá T.

Tại biên bản lấy lời khai của anh Tăng Bá D, sinh năm 1986 là con chung của ông T và bà H, anh Dũng trình bày: Quá trình chung sống, ông T và bà H thường xuyên xảy ra mâu thuẫn, từ năm 2003 ông T đã bỏ nhà đi ở nơi khác và hai bên không còn quan tâm gì đến nhau nữa. Hiện nay ông T sống ở đâu anh không biết địa chỉ vì ông T dấu không cho anh biết, nhưng ông T thỉnh thoảng có gọi điện về cho anh. Việc bà H xin ly hôn cũng như Tòa án nhân dân huyện Kim Thành triệu tập ông T, ông T có biết vì khi ông T gọi điện về nhà, anh đã thông báo cho ông T biết việc Tòa án triệu tập và giao các văn bản tố tụng cho ông T để ông T biết. Song ông T có nói không về được và cứ để Tòa án xem xét giải quyết theo pháp luật.

Tại phiên tòa, bà Đoàn Thị T vẫn giữ nguyên yêu cầu xin ly hôn ông Tăng Bá T, không đề nghị Tòa án giải quyết về con chung, tài sản chung.

Tại phiên tòa, đại diện VKS nhân dân huyện Kim Thành tham gia phiên tòa phát biểu ý kiến:

- Về tố tụng: Trong quá trình giải quyết vụ án cũng như tại phiên tòa, Thẩm phán và Hội đồng xét xử thực hiện đúng thủ tục tố tụng dân sự, Nguyên đơn chấp hành đúng pháp luật về tố tụng dân sự, Bị đơn chưa chấp hành theo quy định của pháp luật tố tụng dân sự.

- Về việc quyết vụ án: áp dụng khoản 01 Điều 56 Luật Hôn nhân và gia đình; Điều 147 Bộ luật tố tụng dân sự; Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 quy định về án phí lệ phí Tòa án, đề nghị Hội đồng xét xử: xử cho bà Đoàn Thị T được ly hôn ông Tăng Bá T; về con chung, tài sản chung: không đặt ra việc giải quyết; về án phí: bà H phải nộp tiền án phí theo quy định của pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] Về tố tụng : Ông Tăng Bá T là Bị đơn trong vụ án, được Tòa án triệu tập hai lần hợp lệ đến tham gia tố tụng tại phiên tòa nhưng vẫn vắng mặt. Căn cứ vào điểm b khoản 2 Điều 227 và khoản 3 Điều 228 Bộ luật tố tụng dân sự, Tòa án xét xử vắng mặt ông T.

[2] Về quan hệ hôn nhân: Bà Đoàn Thị T và ông Tăng Bá T kết hôn với nhau trên tinh thần tự do tìm hiểu và tự nguyện đi đến hôn nhân, được đăng ký kết hôn tại cơ quan Nhà nước có thẩm quyền là hôn nhân hợp pháp.

Xét yêu cầu xin được ly hôn của bà Đoàn Thị T thì thấy rằng: Nguyên nhân dẫn đến mâu thuẫn vợ chồng giữa bà H và ông T là do hai bên không hợp nhau về tính tình, thường xuyên bất đồng quan điểm sống nên đã dẫn đến vợ chồng xảy ra mâu thuẫn cãi cọ lẫn nhau. Từ năm 2003, ông T bỏ nhà đi và vợ chồng đã sống ly thân từ đó đến nay không còn quan tâm gì đến nhau nữa. Như vậy, đã xác định được quan hệ hôn nhân giữa bà H và ông T mâu thuẫn đã trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được. Vì vậy, cần chấp nhận yêu cầu của bà Đoàn Thị T xin được ly hôn ông Tăng Bá T là phù hợp với Điều 56 Luật Hôn nhân và gia đình.

[3] Về con chung: Bà H và ông T có 3 con chung đều đến tuổi T thành, nên không đặt ra việc giải quyết.

[4] Về tài sản chung: Bà Đoàn Thị T không yêu cầu giải quyết về tài sản. Mặt khác, do không lấy được lời khai của ông T nên không có quan điểm của ông T về yêu cầu giải quyết tài sản chung. Vì vậy, Tòa án không xem xét giải quyết về tài sản chung của vợ chồng bà H và ông T trong vụ án này. Sau này, nếu ông T và bà H có đơn yêu cầu giải quyết chia tài sản chung của vợ chồng thì Tòa án sẽ xem xét giải quyết bằng một vụ án khác theo quy định của pháp luật.

[5] Về án phí: Căn cứ vào Điều 147 Bộ luật tố tụng dân sự và Nghị quyết 326/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội 14 quy định về án phí, lệ phí Tòa án. Bà Đoàn Thị T có đơn yêu cầu ly hôn nên phải nộp tiền án phí sơ thẩm ly hôn theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào khoản 01 Điều 56 Luật Hôn nhân và gia đình; Điều 147 Bộ luật Tố tụng dân sự; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

1. Về hôn nhân: Cho ly hôn giữa bà Đoàn Thị T và ông Tăng Bá T.
2. Về con chung: Không đặt ra việc giải quyết.
3. Về tài sản chung: Không đặt ra việc giải quyết. Khi nào ông T, bà H có yêu cầu giải quyết về chia tài sản chung thì Tòa án sẽ giải quyết bằng vụ án khác theo quy định của pháp luật.
4. Về án phí: Bà Đoàn Thị T phải nộp 300.000đ án phí sơ thẩm ly hôn, nhưng được đối trừ vào khoản tiền tạm ứng án phí đã nộp là 300.000đ theo Biên lai thu tiền số: AA/2017/0004218 ngày 10/9/2018 tại Chi cục Thi hành án dân sự huyện Kim Thành, tỉnh Hải Dương. Bà H đã nộp đủ án phí sơ thẩm ly hôn.

Nguyên đơn được quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án. Bị đơn được quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày bản án được niêm yết./.

Nơi nhận:

- Các đương sự;
- VKSND huyện Kim Thành;
- Chi cục THA Dân sự huyện Kim Thành;
- UBND xã Lai Vu, huyện Kim Thành;
- Lưu: Hồ sơ, VP.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Nguyễn Thị Ngọc Bích